

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2019/HNGĐ-ST
Ngày 06/8/2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;
2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 301/2019/TLST-HNGĐ 09/4/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/7/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn Q, sinh năm 1982; thường trú: Số 44/1A, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B; địa chỉ nơi làm việc: 921/1B đường Đ, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Bé Th, sinh năm 1985; thường trú: Số 44/1A, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Lê Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, anh Lê Văn Q và chị Nguyễn Thị Bé Th tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh S vào ngày 22/6/2009 theo giấy chứng nhận kết hôn số 105/2009. Việc kết hôn của anh Q và chị Th là tự nguyện và được hai bên gia đình

chấp nhận. Sau khi kết hôn, anh Q và chị Th cùng sống chung với nhau tại nhà riêng của hai vợ chồng ở khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc cho đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong vấn đề kinh doanh, chị Th tự quyết định việc vay nợ để kinh doanh mà không bàn bạc với anh Q, việc kinh doanh không hiệu quả dẫn đến bị thua lỗ, không có khả năng trả nợ. Nợ nần nhiều dẫn đến chị Th thường xuyên trốn trong nhà và không cho con đi học, anh Q phải báo Hội phụ nữ của Phường và Trưởng khu phố để nhờ khuyên bảo chị Th. Sau khi được khuyên bảo chị Th đã thay đổi, rồi vợ chồng cùng bán căn nhà để lấy tiền trả nợ. Tuy nhiên, do chị Th nợ quá nhiều, mặc dù bán căn nhà nhưng vẫn không đủ để trả nợ, chính vì vậy đến tháng 6/2017 chị Th mang theo con chung đi nơi khác sinh sống. Chị Th đi đâu và làm gì không cho anh Q biết, mặc dù anh Q đã tìm mọi cách liên lạc với chị Th nhưng đều không có kết quả. Vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng 02 năm. Do thời gian không chung sống với nhau đã lâu nên anh Q xác định không còn tình cảm với chị Th và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh Lê Văn Q và chị Nguyễn Thị Bé Th có với nhau 01 con chung là cháu Lê Q Bình, sinh ngày 30/9/2013. Khi chị Th chuyển đi nơi khác sinh sống có dẫn con chung đi cùng nên con chung đang ở với chị Th. Trong đơn khởi kiện anh Q yêu cầu sau ly hôn con chung sẽ do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Quá trình tố tụng anh Q yêu cầu sau ly hôn trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, anh Q lại thay đổi yêu cầu sau ly hôn con chung sẽ do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Bình đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Bé Th: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt bằng hình thức niêm yết thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu chị Th có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Q nhưng chị Th không có ý kiến, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu chị Th tham gia hòa giải nhưng chị Th vắng mặt không có lý do, anh Q có đơn từ chối hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu chị Th tham gia phiên tòa vào ngày 16/7/2019 và ngày 06/8/2019 nhưng chị Th vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ bằng hình thức niêm yết các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào

các ngày 16/7/2019 và ngày 06/8/2019 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với qui định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Lê Văn Q có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị Bé Th đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 16/7/2019 và ngày 06/8/2019 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn Q và chị Nguyễn Thị Bé Th là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh S theo giấy chứng nhận kết hôn số 105/2009 ngày 22/6/2009 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tố tụng anh Q xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong công việc làm ăn, chị Th tự quyết định không trao đổi, bàn bạc với anh dẫn đến việc làm ăn bị thua lỗ, nợ nần nhiều. Anh Q cũng đã bỏ qua để cùng nhau giải quyết, mặc dù vợ chồng đã bán căn nhà nhưng vẫn không đủ để trả nợ. Do nợ nhiều, chị Th dẫn theo con chung đi nơi khác sinh sống, chị Th đi đâu và làm gì không nói cho anh Q biết. Vợ chồng không còn sống chung với nhau khoảng 02 năm. Do thời gian vợ chồng không sống chung với nhau cũng lâu dẫn đến anh Q không còn tình cảm với chị Th. Bên cạnh đó, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn tại địa phương, chính quyền địa phương xác định quá trình sinh sống tại địa phương, việc làm ăn của anh Q và chị Th bị thua lỗ dẫn nợ nần rồi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đồng thời chị Th đã chuyển đi nơi khác sinh sống. Quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập chị Th đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ do anh Q cung cấp nhưng chị Th không đến. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh Q và chị Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Q yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với qui định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống anh Lê Văn Q và chị Nguyễn Thị Bé Th có với nhau 01 con chung là cháu Lê Q Bình, sinh ngày 30/9/2013. Con chung đang sống cùng với chị Th. Việc giao con cho ai nuôi phải bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, trong suốt quá trình tố tụng chị Th không có ý kiến thể hiện nguyện vọng mong muốn nuôi con chung hay không nhưng trong khoảng thời gian hai vợ chồng không sống chung với nhau thì con chung do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu Bình, cần tiếp tục giao cháu Bình cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, anh Q yêu cầu chị Th trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Anh Lê Văn Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Lê Q Bình đủ 18 tuổi, đây là sự tự nguyện của anh Q nên cần ghi nhận.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Lê Văn Q không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn Q phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bé Th (theo giấy chứng nhận kết hôn số 105/2009 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh S cấp ngày 22/6/2009).

2. Về con chung: Anh Lê Văn Q có trách nhiệm giao con chung là cháu Lê Q Bình, sinh ngày 30/9/2013 cho chị Nguyễn Thị Bé Th tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lê Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Lê Q Bình đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, anh Lê Văn Q có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con. Chị Nguyễn Thị Bé Th không có quyền cản trở anh Lê Văn Q thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Bé Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lê Văn Q không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì anh Lê Văn Q còn phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị Bé Th tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Lê Văn Q không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được

khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0028339 ngày 09/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Lê Văn Q còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh S;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Dĩ An, ngày 29 tháng 6 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hiếu Trọn.
2. Bà Nguyễn Hồng Gấm.

Căn cứ vào Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào hồi giờ phút ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh Trang, sinh năm 1990; thường trú: 18/6A, khu phố Đông Chiêu, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

- Bị đơn: Anh Lê Thái Hòa, sinh năm 1987; thường trú: 23/24, khu phố Thắng Lợi 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Tổng Lê Chân, Tổng cục VIII – Bộ Công An.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ; sau khi thảo luận, thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất các vấn đề sau:

1. Về áp dụng pháp luật: Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh Trang được ly hôn với anh Lê Thái Hòa.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về con chung: Buộc anh Lê Thái Hòa giao con chung là cháu Lê Minh Nhật, sinh ngày 19/10/2009 cho chị Nguyễn Thị Minh Trang trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Minh Trang không yêu cầu anh Lê Thái Hòa cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị Minh Trang và anh Lê Thái Hòa đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Lê Thái Hòa lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Nguyễn Thị Minh Trang nuôi con thì chị Nguyễn Thị Minh Trang có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Lê Thái Hòa theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh Trang phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019365, ngày 08/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt các đương sự.

Kết quả biểu quyết 3/3.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Biên bản kết thúc lúc giờ phút cùng ngày.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa